

Bản án số: 45/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 23/12/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Bà Vũ Thị Bền

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị M, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT: Thôn Ngọc L, xã Tân K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn S, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Đức N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Ngọc L, xã Tân K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. ện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng: Ông Phạm Đức N, sinh năm 1990; Phạm Đức Nh, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Ngọc L, xã Tân K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.g.

(Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N và ông Nhuận đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Đoàn Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Đức N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/10/2010. Sau khi kết hôn anh chị sống vui vẻ hạnh phúc được thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung thường xảy ra bất hòa cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau. Chị đã về nhà bố mẹ ở, vợ chồng sống ly thân 08 năm nay. Nay chị xét thấy, chị và anh N không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là Phạm Minh P., sinh ngày 05/12/2012. Hiện cháu Phương đang sống cùng với anh N. Quan điểm của chị khi ly hôn chị đồng ý để anh N nuôi con và đồng ý sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh N.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh N không đến toà làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Phạm Đức Nhuận trình bày:
Ông là bố đẻ của anh N, chị M và anh N kết hôn với nhau là tự nguyện và được UBND xã Tân Kỳ tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh N, chị M sống cùng nhà với gia đình ông. Cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến năm 2013 ông không biết lý do anh N, chị M mâu thuẫn là gì, chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh N, theo quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh N và chị M có một con chung là Phạm Minh P., sinh ngày 05/12/2012. Từ khi anh chị M bỏ đi đến nay cháu Phương sống với anh N và ông, Quan điểm của ông cũng như quan điểm của anh N nếu chị M kiên quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N tiếp tục nuôi cháu Phương, ông sẽ hỗ trợ anh N trong việc chăm sóc cháu Phương, anh N tự nguyện không yêu cầu chị M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xác định: Chị M và anh N kết hôn với nhau vào năm 2010, được UBND xã Tân Kỳ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2010. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương cùng với gia đình bố mẹ chồng được một thời gian ngắn, sau đó chị M đã về quê mẹ đẻ sinh sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm được nhưng anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh N, chị M có một con chung là cháu Phạm Minh P., sinh ngày 05/12/2012, hiện cháu Phương đang ở với anh N và ông nội, nếu Tòa án giải quyết cho anh N, chị M ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của

cháu Phương để cháu ổn định việc học tập. Địa phương xác định hiện tại anh N đi làm xa thỉnh thoảng mới về qua nhà, bố mẹ anh N giúp anh N trong việc chăm sóc cháu Phương.

Tại phiên tòa: Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị M, đề nghị xử cho chị Đoàn Thị M được ly hôn anh Phạm Đức N; Về con chung: Giao cho anh Phạm Đức N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Minh P., sinh ngày 05/12/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị M khởi kiện ly hôn anh Phạm Đức N; nơi cư trú tại xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh N đến tòa làm việc nhưng anh N không có mặt. Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân của anh N để giao và thông báo cho anh N biết về yêu cầu khởi kiện của chị M. Tuy nhiên, anh N sau khi được gia đình giao và thông báo về các văn bản tố tụng của Tòa án anh cũng không thể hiện quan điểm cũng như không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị M và anh Phạm Đức N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 05/10/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh N là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị M, kết quả xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng là ông Phạm Đức Nhuận xác định nguyên nhân chị M, anh N mâu thuẫn là do hai vợ chồng có thời gian sống ly thân quá dài, tình cảm vợ chồng nhạt dần, không còn quan tâm đến nhau và anh, chị cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị M, nhưng anh N không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị M ly hôn anh N là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh N và chị M có một con chung là Phạm Minh P., sinh ngày 05/12/2012. Hiện cháu Phương đang sống cùng với anh N và ông bà nội. Xét thấy, anh N không có quan điểm tại Tòa nhưng qua lời trình bày của bố anh N là ông Nhuận, anh N đề nghị được nuôi cháu Phương và tự nguyện không yêu cầu chị M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mặt khác, cháu Phương có nguyện vọng ở với anh, ông Nhuận là ông nội cháu có quan điểm sẽ giúp anh N trong việc chăm sóc cháu Phương, yêu cầu của anh N là phù hợp. Nên cần giao cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con dưỡng con Phạm Minh P. đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N, không yêu cầu chị M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị M khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị M; Xử cho chị Đoàn Thị M ly hôn anh Phạm Đức N.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Đức N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Phạm Minh P., sinh ngày 05/12/2012 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0000754 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Nhân Trác

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Nhân Trác